



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 – 45

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 (giấy phép cũ số 4104000165), đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 09 năm 2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 03 tháng 10 năm 2007 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh Cửa hàng mua bán ô tô – Công ty TNHH Một Thành Viên Xe khách Sài Gòn, địa chỉ tại số 01, Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 03 năm 2008 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ địa chỉ cũ: Số 131 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ mới: Số 01 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 10 tháng 06 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 57 tỷ VND lên thành 99 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 03 tháng 10 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 14 tháng 07 năm 2009 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh Cửa hàng mua bán ô tô 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên Xe khách Sài Gòn, địa chỉ tại số 343/20, Tổng Văn Trấn, phường 5, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 14 tháng 07 năm 2010 về việc bổ sung thêm 12 địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28 tháng 01 năm 2011 về việc bổ sung thông tin về chi nhánh, và thay đổi một số địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 30 tháng 05 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 99 tỷ VND lên thành 185 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 19 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi một số địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 19 tháng 08 năm 2016 về việc chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty Cổ phần: Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn và tăng vốn điều lệ từ 185 tỷ VND lên thành 600 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 10 tháng 09 năm 2016 về việc thay đổi thông tin điện thoại liên lạc.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) – 39 505 505
- Fax : (028) – 38 546 127

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 13/10/2016, Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 6887/UBCK-GSĐC ngày 13/10/2016.

Ngày 02/11/2016, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và cấp mã chứng khoán cho Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM (HNX) kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2016 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: BSG
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 60.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch theo mệnh giá: 600.000.000.000 VND.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là :

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Nhà hàng);
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Trong năm tài chính 2017, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên
Ông Đoàn Minh Tâm	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Hội	Thành viên
Ông Trần Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nim Vườn Phú	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Hạnh	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Hòa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Minh Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đoàn Minh Tâm, chức vụ Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

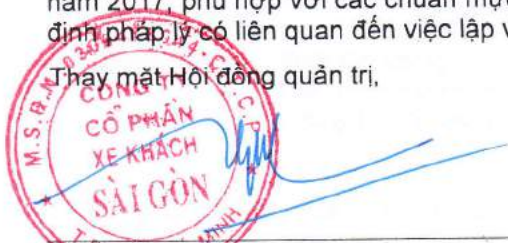
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



NGUYỄN HỒNG ANH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



Số: 150/2018/BCKT-HCM.00380

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như được trình bày tại mục 5.5.1 (i) của Thuyết minh báo cáo tài chính, các khoản thu của Trung tâm quản lý giao thông công cộng về phải thu tiền trợ giá xe buýt chưa được ký quyết toán, do đó các khoản phải thu này có thể thay đổi khi có quyết toán chính thức của Trung tâm quản lý giao thông công cộng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

- Như được trình bày tại mục 5.9 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải có 211 xe Bus có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 47.950.968.446 VND. Hiện nay, các tài sản này đang ngưng hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và chờ thanh lý theo Biên bản họp số 05/BB-HĐQT/SGB và Nghị Quyết số 09/NQ-HĐQT/SGB của Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 03 năm 2018 và kết quả lãi hoặc lỗ do thanh lý các phương tiện này sẽ được hạch toán Báo cáo kết quả kinh doanh vào thời điểm thanh lý. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa thể hiện chi phí hao mòn của các tài sản nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ THANH MINH

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

ĐỖ CHÍ LIỄU

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3233-2015-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		297.676.602.854	223.753.165.177
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	59.704.311.729	84.258.389.830
Tiền	111		14.704.311.729	84.258.389.830
Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.018.804.000	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	37.018.804.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		147.904.766.436	99.190.152.861
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	55.904.229.858	32.037.414.849
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	7.462.576.848	9.103.932.664
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	84.916.770.130	58.048.805.348
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(378.810.400)	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	43.503.337.177	29.781.685.819
Hàng tồn kho	141		43.503.337.177	29.781.685.819
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.545.383.512	10.522.936.667
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	2.237.213.768	2.933.864.630
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.041.595.699	7.589.072.037
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	1.266.574.045	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		659.143.394.097	620.095.451.359
Các khoản phải thu dài hạn	210		136.620.000	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	136.620.000	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		638.207.342.657	599.212.093.877
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	637.757.417.767	599.212.093.877
Nguyên giá	222		1.304.657.836.959	1.271.053.813.271
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(666.900.419.192)	(671.841.719.394)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	449.924.890	-
Nguyên giá	228		568.740.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(118.815.110)	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		391.356.364	3.246.257.439
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	391.356.364	3.246.257.439
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		20.408.075.076	17.637.100.043
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	20.408.075.076	17.637.100.043
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		956.819.996.951	843.848.616.536

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		334.638.730.782	230.542.456.739
Nợ ngắn hạn	310		172.992.958.565	87.407.508.037
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12.1	122.300.546.046	35.584.786.801
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	2.179.726.583	2.242.488.987
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.859.639.479	244.583.458
Phải trả người lao động	314	5.15	674.500.000	992.055.690
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	922.035.797	139.445.142
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	154.204.544	3.836.794.424
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	906.152.805	837.023.595
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	40.421.153.452	37.641.161.452
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	2.574.999.859	5.889.168.488
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		161.645.772.217	143.134.948.702
Phải trả người bán dài hạn	331	5.12.2	9.301.500.000	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	788.044.940	2.416.658.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	151.556.227.277	140.239.744.366
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	478.546.336

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		622.181.266.169	613.306.159.797
Vốn chủ sở hữu	410	5.21	622.181.266.169	613.306.159.797
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		600.000.000.000	594.386.808.230
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.162.508.099	9.900.593.497
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		9.193.764.577	7.397.823.714
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		3.968.743.522	2.502.769.783
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		9.018.758.070	9.018.758.070
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		956.819.996.951	843.848.616.536



NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Người lập biểu



PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng



ĐOÀN MINH TÂM

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

300
C
KHÁCH
KIỂM
TFC
T

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	564.447.384.686	207.622.865.200
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.496.455.856
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		564.447.384.686	203.126.409.344
Giá vốn hàng bán	11	6.2	502.593.666.770	179.512.568.309
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.853.717.916	23.613.841.035
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.673.485.664	443.056.168
Chi phí tài chính	22	6.4	10.184.592.975	2.077.533.320
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		9.828.903.649	2.077.533.320
Chi phí bán hàng	25	6.5	1.020.775.814	495.064.023
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	55.196.291.927	22.447.841.812
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		125.542.864	(963.541.952)
Thu nhập khác	31	6.7	15.721.848.631	5.729.153.677
Chi phí khác	32	6.8	10.781.582.023	1.607.898.328
Lợi nhuận khác	40		4.940.266.608	4.121.255.349
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.065.809.472	3.157.713.397
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	1.097.065.950	654.943.614
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.968.743.522	2.502.769.783
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9.1	66	42



NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Người lập biểu



PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng



ĐOÀN MINH TÂM

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Năm 2017 VND	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.065.809.472	3.157.713.397
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	76.930.199.516	28.603.059.902
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	378.810.400	-
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	4.791.413.419	(443.056.168)
Chi phí lãi vay	06	9.828.903.649	2.077.533.320
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	300.000.000
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	96.995.136.456	33.695.250.451
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(31.618.289.338)	(19.428.777.237)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(13.721.651.358)	(6.170.640.162)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả,	11	87.792.039.083	(85.480.355.029)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.074.324.171)	1.882.499.825
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.597.745.717)	(1.938.088.178)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.392.802.806)	(629.849.501)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(10.671.923.718)	(1.980.210.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	114.710.438.431	(80.050.170.051)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(131.966.208.770)	(230.962.880.206)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	10.956.054.545	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(37.018.804.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.667.966.782	443.056.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(153.360.991.443)	(230.519.824.038)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	51.737.636.363	201.885.364.063
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(37.641.161.452)	(85.101.062.357)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.096.474.911	116.784.301.706
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(24.554.078.101)	(193.785.692.383)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	84.258.389.830	278.044.082.213
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	59.704.311.729	84.258.389.830

ba

h



NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Người lập biểu

PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng

ĐOÀN MINH TÂM
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn Theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Ngày 13/10/2016, Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 6887/UBCK-GSDC ngày 13/10/2016.

Ngày 02/11/2016, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và cấp mã chứng khoán cho Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM (HNX) kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2016 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: BSG
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 60.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch theo mệnh giá: 600.000.000.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Nhà hàng);
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có 11 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

Tên Xí Nghiệp	Địa chỉ
Xí nghiệp sửa chữa ô tô	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Du lịch-Lữ hành (Saigonbus Travel)	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp dịch vụ Du lịch Sapaco	Số 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 1	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 2	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 3	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 4	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 5	Số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 6	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 7	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 không so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước do Công ty chuyển đổi hình loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần kể từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 nên số liệu so sánh của năm nay là từ 19 tháng 08 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 1.222 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.243 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty.

Các năm tài chính tiếp theo là bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước tại số 171 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Do Công ty chưa ký được hợp đồng thuê đất với Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hồ Chí Minh nên chưa biết thời gian phân bổ tiền thuê đất trả trước.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh là giá trị tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu của Công ty được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA ngày 07 tháng 12 năm 2015. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 15 năm
Tài sản cố định khác	5 - 25 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Tiền lương

Công ty ghi nhận chi phí lương trong năm theo Quỹ lương. Quỹ lương được xây dựng trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động bình quân theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa bao gồm lương tại Công ty). Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty ghi nhận chi phí lương theo quỹ lương thực hiện của năm 2017 được Hội đồng quản trị phê duyệt theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT/SGB ngày 29 tháng 01 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các Cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các Cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.17 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty/đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (SAMCO)	Tp. Hồ Chí Minh	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Tp. Hồ Chí Minh	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt – VND	4.584.389.699	2.367.701.341
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	10.119.877.400	81.890.688.489
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	(i) 44.630	-
Các khoản tương đương tiền – VND	(ii) 45.000.000.000	-
	59.704.311.729	84.258.389.830

(i) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	1,97	44.630
	1,97	44.630

(ii) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi từ 1 tháng đến 3 tháng, lãi suất tiền gửi từ 4,8%/năm đến 5,2%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau :

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn - VND	(*) 37.018.804.000	-
	37.018.804.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(*) Các khoản tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn gửi từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất tiền gửi từ 5,3%/năm đến 6,5%/năm. Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để thế chấp, bảo lãnh các khoản vay ngân hàng như sau :

- Duy trì khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng số tiền 3.385.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo hợp đồng tiền gửi số 703/2016/HĐTG ngày 29 tháng 11 năm 2016 - *Xem thêm thuyết minh ở mục 5.19.2.*
- Duy trì khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng số tiền tối thiểu là 1.760.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank - Chi nhánh 8) theo hợp đồng tiền gửi số 926/2016/09/013/HĐTG ngày 30 tháng 09 năm 2016 - *Xem thêm thuyết minh ở mục 5.19.2.*

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải thu bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên (<i>Xem thêm Thuyết minh mục 9.1.2</i>)	106.350.000	664.680.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH GB Hà Nội	6.180.000.000	6.180.000.000
Công ty TNHH Vận tải TP. Hồ Chí Minh	4.353.762.013	1.324.634.718
Công ty Phát triển Khu Công Nghệ Cao	2.175.465.790	826.095.000
Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn – XN Toa xe Đà Nẵng	-	5.408.704.000
Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn – XN Toa xe Sài Gòn	32.340.000	2.671.392.662
Công ty TNHH Ô tô và Thiết bị chuyên dùng Sao Bắc	6.966.400.000	-
Các khách hàng khác	36.089.912.055	14.961.908.469
	55.904.229.858	32.037.414.849

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty TNHH Nón Xanh	1.307.457.745	-
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Thăng Long	1.068.641.100	1.070.592.700
Các nhà cung cấp khác	5.086.478.003	8.033.339.964
	7.462.576.848	9.103.932.664

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
<i>(Xem Thuyết minh 8.1.2)</i>				
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (SAMCO) – Phải thu tiền góp vốn	5.613.191.770	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu Trung tâm quản lý giao thông công cộng				
Phải thu tiền trợ giá xe bus, đưa rước công nhân, đưa rước học sinh (i)	17.359.784.620	-	21.383.271.224	-
Phải thu về tiền phạt mất chuyến đang chờ giải quyết (i)	9.663.827.798	-	8.629.346.031	-
Phải thu vé tập	3.796.935.178	-	4.147.271.596	-
Phải thu ngân sách nhà nước – Dự án nhà 39 Hải Thượng Lãn Ông (ii)	9.018.758.070	-	9.018.758.070	-
Các khoản tiền hỗ trợ lãi vay của ngân sách Nhà nước (iii)	9.250.301.249	-	175.819.267	-
Quý lương chi vượt <i>(Xem mục 5.15)</i>	6.765.920.189	-	3.684.699.832	-
Quý khen thưởng <i>(Xem mục 5.20)</i>	7.107.755.089	-	-	-
Tiền thuê đất của khu đất số 1 Phạm Hồng Thái và khu đất 592 Cộng Hòa đang chờ quyết định miễn tiền thuê đất của cơ quan chức năng	3.402.942.533	-	-	-
Phải thu Công ty Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn - Tiền thù lao Hội đồng quản trị	-	-	1.921.488.800	-
Phải thu từ các xí nghiệp vận tải tiền vé xe buýt phải nộp cho Công ty	1.698.312.000	-	1.006.299.000	-
Tạm ứng nhân viên	7.764.042.550	-	5.101.196.373	-
Ký cược, ký quỹ	1.540.514.000	-	651.530.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.934.485.084	-	2.329.125.155	-
	84.916.770.130	-	58.048.805.348	-

- (i) Các khoản phải thu của Trung tâm quản lý giao thông công cộng về tiền trợ giá xe buýt chưa được ký xác nhận ký quyết toán.
- (ii) Đây là khoản phải thu ngân sách Nhà nước sau khi quyết toán đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Văn phòng làm việc của Công ty” được duyệt theo Quyết định số 3064/QĐ-UBND TPHCM ngày 14 tháng 06 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
- (iii) Là khoản tiền hỗ trợ lãi vay của ngân sách Nhà nước về việc Công ty đầu tư 212 xe Bus CNG theo “Đề án đầu tư xe buýt giai đoạn 2014-2017” của Sở Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký cược, ký quỹ	136.620.000	-	-	-
	136.620.000	-	-	-

5.6 Nợ xấu

	31/12/2017			01/01/2017		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác						
Phải thu khách hàng						
Hoạt động vận chuyển hành khách	Từ 2 năm đến 3 năm	192.516.700	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Hiệp Đồng Phát	Từ 2 năm đến 3 năm	82.006.000	24.601.800	-	-	-
Công ty TNHH Du lịch Sài Gòn Bay	Từ 1 năm đến 2 năm	243.025.000	121.512.500	-	-	-
Tổng Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Bảo Long	Dưới 1 năm	14.365.000	10.055.500	-	-	-
Công ty Bảo hiểm Bảo Minh – Bến Thành	Dưới 1 năm	10.225.000	7.157.500	-	-	-
		542.137.700	163.327.300	-	-	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	-
Trích lập dự phòng trong năm	(378.810.400)
Tại ngày 31/12/2017	(378.810.400)

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	4.708.971.525	-	603.990.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	33.096.438.661	-	22.228.188.419	-
Công cụ, dụng cụ	369.797.286	-	182.689.245	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	62.881.828	-	6.236.961.329	-
Thành phẩm	4.727.974.158	-	-	-
Hàng hóa	537.273.719	-	529.856.826	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
	43.503.337.177	-	29.781.685.819	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phí đường bộ, đăng kiểm	180.688.580	199.920.000
Chi phí bảo hiểm xe	1.132.150.560	1.711.603.788
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	924.374.628	888.520.344
	2.237.213.768	2.933.864.630

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công cụ, dụng cụ đánh giá lại (i)	531.591.883	858.725.351
Công cụ, dụng cụ	-	725.665.988
Lợi thế kinh doanh (ii)	5.094.045.216	5.684.659.155
Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ (iii)	8.944.963.213	8.944.963.213
Chi phí sửa chữa	2.911.989.174	1.069.946.891
Trang thiết bị theo xe	-	353.139.445
Máy in vé trên xe buýt	1.345.318.334	-
Chi phí máy móc, công cụ quản lý	963.917.256	-
Chi phí đèn led trên xe buýt	616.250.000	-
	20.408.075.076	17.637.100.043

- i. Công cụ, dụng cụ đánh giá lại được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA và Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty.
- ii. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển, được ghi nhận theo theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA và Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty.
- iii. Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty. Theo quy định về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì đối với những khu đất nhận chuyển nhượng hợp pháp có quyền sử dụng đất lâu dài khi chuyển sang hình thức thuê đất thì giá trị quyền sử dụng đất giao còn lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được xác định là số tiền doanh nghiệp đã trả trước cho khoản thời gian thuê nhất định theo giá thuê đất tại thời điểm doanh nghiệp hoàn tất thủ tục thuê đất với Cơ quan quản lý địa phương. Tuy nhiên, Công ty chưa hoàn tất thủ tục thuê đất với Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh nên số tiền thuê đất nêu trên chưa có cơ sở để phân bổ theo thời gian thuê thực tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9	Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải (*) VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
	Nguyên giá						
	Tại ngày 01/01/2017	124.658.693.767	7.334.474.947	1.125.569.786.285	11.568.183.785	1.922.674.487	1.271.053.813.271
	Mua trong năm	-	-	130.649.370.840	38.181.818	-	130.687.552.658
	Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	2.370.271.732	-	1.194.545.455	-	-	3.564.817.187
	Thanh lý trong năm	(55.250.000)	(768.208.106)	(99.529.495.999)	-	(295.392.052)	(100.648.346.157)
	Tại ngày 31/12/2017	126.973.715.499	6.566.266.841	1.157.884.206.581	11.606.365.603	1.627.282.435	1.304.657.836.959
	Giá trị hao mòn lũy kế						
	Tại ngày 01/01/2017	44.121.330.981	5.081.751.313	614.527.118.466	6.976.048.543	1.135.470.091	671.841.719.394
	Khấu hao trong năm	4.190.913.152	335.092.716	71.370.549.392	784.172.328	130.656.818	76.811.384.406
	Thanh lý trong năm	(42.500.000)	(587.731.516)	(79.688.371.588)	-	(244.959.019)	(80.563.562.123)
	Điều chỉnh giảm khác	(817.498.549)	(176.083.194)	(78.057.379)	(81.732.910)	(35.750.453)	(1.189.122.485)
	Tại ngày 31/12/2017	47.452.245.584	4.653.029.319	606.131.238.891	7.678.487.961	985.417.437	666.900.419.192
	Giá trị còn lại						
	Tại ngày 01/01/2017	80.537.362.786	2.252.723.634	511.042.667.819	4.592.135.242	787.204.396	599.212.093.877
	Tại ngày 31/12/2017	79.521.469.915	1.913.237.522	551.752.967.690	3.927.877.642	641.864.998	637.757.417.767

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2017: 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bằng 0 VND).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, phương tiện vận tải đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay là 285.811.052.676 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 263.848.736.100 VND).

(*) Trong tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải có 211 xe Bus có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 47.950.968.446 VND. Hiện nay, các tài sản này đang ngưng hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và chờ thanh lý theo Biên bản họp số 05/BB-HĐQT/SGB và Nghị Quyết số 09/NQ-HĐQT/SGB của Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 03 năm 2018 và kết quả lái hoặc lỗ do thanh lý các phương tiện này sẽ được hạch toán Báo cáo kết quả kinh doanh vào thời điểm thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Phân mềm máy tính VND
Tại ngày 01/01/2017	-
Mua trong năm	568.740.000
Tại ngày 31/12/2017	568.740.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2017	-
Khấu hao trong năm	118.815.110
Tại ngày 31/12/2017	118.815.110
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2017	-
Tại ngày 31/12/2017	449.924.890

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tài sản cố định VND	Kết chuyển chi phí trả trước chờ phân bổ VND	Nhập kho hàng hóa VND	Bán trong năm VND	31/12/2017 VND
Dự án bãi xe cao tầng Số 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	391.356.364	-	-	-	-	-	391.356.364
Chi phí sửa chữa xe ô tô	542.811.161	795.506.749	-	(1.338.317.910)	-	-	-
Xây dựng văn phòng làm việc và xưởng sửa chữa Tổng Văn Trần	2.312.089.914	58.181.818	(2.370.271.732)	-	-	-	-
Đầu tư xe ô tô 5 chỗ cho thuê	-	1.194.545.455	(1.194.545.455)	-	-	-	-
Đóng thùng mới 4 xe	-	9.455.948.316	-	-	(4.727.974.158)	(4.727.974.158)	-
	3.246.257.439	11.504.182.338	(3.564.817.187)	(1.338.317.910)	(4.727.974.158)	(4.727.974.158)	391.356.364

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**5.12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV (SAMCO)	2.920.000.000	160.919.707
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	32.710.086.707	20.234.705.431
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Ô tô Gia Định	60.253.700.000	-
Các nhà cung cấp khác	26.416.759.339	15.189.161.663
	122.300.546.046	35.584.786.801

5.12.2 Phải trả người bán dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Ô tô Gia Định	9.301.500.000	-
	9.301.500.000	-

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH TM DV Thành Tuấn	1.561.908.395	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tuấn Hưng Miền Nam	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Ô tô Tiên Phong	-	294.591.187
Các khách hàng khác	617.818.188	947.897.800
	2.179.726.583	2.242.488.987

5.14 Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm		31/12/2017	
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.912.331.091	(53.147.932)	2.859.183.159	-	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.308.230.910	(1.308.230.910)	-	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.737.900.000	(1.737.900.000)	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	212.489.537	1.097.065.950	(2.392.802.806)	-	(1.083.247.319)	
Thuế thu nhập cá nhân	31.637.601	517.224.964	(589.757.981)	-	(40.895.416)	
Thuế tài nguyên	456.320	5.658.000	(5.658.000)	456.320	-	
Tiền thuê đất	-	2.193.491.108	(2.335.922.418)	-	(142.431.310)	
Thuế môn bài	-	11.000.000	(11.000.000)	-	-	
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	250.707.304	(250.707.304)	-	-	
Cộng	244.583.458	10.033.609.327	(8.685.127.351)	2.859.639.479	(1.266.574.045)	

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2017	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận trước thuế theo kế toán	5.065.809.472	3.157.713.397
Cộng các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	419.520.280	417.004.674
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.485.329.752	3.574.718.071
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	5.485.329.752	3.574.718.071
Trừ quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	(300.000.000)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ/ năm	1.097.065.950	654.943.614
Điều chỉnh giảm thuế TNDN	-	(11.355.000)
Tổng thuế TNDN phải nộp trong kỳ/năm	1.097.065.950	643.588.614

Tiền thuê đất m²

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê (m²)</u>	
Tại số 500 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh		618,6
Tại số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh		774,2
Tại số 343/20 Lạc Long, quân, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	(*)	30.511,9
Tại số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	(*)	7.214,0
Tại số 01 Phạm Hồng Thái, phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	(**)	27.490,0
Tại số 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	(**)	6.799,1

(*) Là các khu đất thuê được miễn tiền thuê đất, cụ thể như sau:

Tại số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh: Quyết định số 1436/QĐ-CCT-TBTK ngày 16 tháng 8 năm 2010 về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty từ ngày 01 tháng 07 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2045.

Tại số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh: Quyết định số 875/QĐ-CCT ngày 26 tháng 10 năm 2010 về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty từ ngày 01 tháng 07 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(**) Là hai khu đất đang tiến hành xin miễn tiền thuê đất, Công ty không ghi nhận chi phí thuê đất phát sinh trong năm.

5.15 Phải trả người lao động

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số dư bên Nợ (*) VND	Số dư bên Có VND	Số dư bên Nợ (*) VND	Số dư bên Có VND
Phải trả lương nhân viên	6.765.920.189	-	3.684.699.832	-
Phải trả lương viên chức quản lý	-	674.500.000	-	992.055.690
	6.765.920.189	674.500.000	3.684.699.832	992.055.690

(*) Phải trả lương cho nhân viên có số dư bên nợ được trình bày tại mục "Phải thu ngắn hạn khác" – Xem mục 5.5.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí trích trước của trung tâm sát hạch lái xe	189.354.544	-
Chi phí trả chậm dự án mua xe	35.526.263	-
Trích trước chi phí lãi vay	697.154.990	139.445.142
	922.035.797	139.445.142

5.17 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Doanh thu cho thuê bề mặt quảng cáo trên thân xe buýt	99.999.999	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	54.204.545	-
Doanh thu Tours Du lịch lữ hành	-	3.836.794.424
	154.204.544	3.836.794.424

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	825.255	-
Bảo hiểm xã hội	39.155.102	-
Điều chỉnh thuế TNCN	37.657.809	-
Thù lao Hội đồng thành viên (phí điều hành Công ty Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn)	-	570.000.000
Phải trả cổ phần hóa	-	482.880
Tiền đồng phục phải trả	85.808.440	61.239.870
Bảo hiểm bồi thường tai nạn	27.542.299	128.335.000
Phải trả trung tâm sát hạch lái xe	-	51.260.000
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	690.621.100	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	24.542.800	25.705.845
	906.152.805	837.023.595

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	788.044.940	2.416.658.000
	788.044.940	2.416.658.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.19 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.19.1 Vay ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 5.19.2)				
Công ty đầu tư tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh	14.924.608.000	14.924.608.000	15.744.616.000	15.744.616.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	9.896.545.452	9.896.545.452	9.896.545.452	9.896.545.452
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Thủ Thiêm	15.600.000.000	15.600.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
	40.421.153.452	40.421.153.452	37.641.161.452	37.641.161.452

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2017 VND	Kết chuyển từ vay dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2017 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	37.641.161.452	40.421.153.452	(37.641.161.452)	40.421.153.452
	37.641.161.452	40.421.153.452	(37.641.161.452)	40.421.153.452

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh (a)	63.970.708.000	63.970.708.000	79.715.324.000	79.715.324.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng (b)	59.379.272.729	59.379.272.729	17.538.181.818	17.538.181.818
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm (c)	68.627.400.000	68.627.400.000	80.627.400.000	80.627.400.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 5.19.1)	(40.421.153.452)	(40.421.153.452)	(37.641.161.452)	(37.641.161.452)
	151.556.227.277	151.556.227.277	140.239.744.366	140.239.744.366

(a) Vay dài hạn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng vay như sau:

- Hợp đồng vay số 168/2011/HĐTD-QĐT-TD ngày 22 tháng 07 năm 2011 như sau:

Mục đích vay	: Thực hiện dự án "Thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong vận tải hành khách công cộng tại Tp. Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)
Thời hạn cho vay	: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên
Lãi suất	: 10,8%/năm, trong đó ngân sách Nhà Nước hỗ trợ lãi vay theo từng thời điểm.
Hình thức đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay.
Số dư tại ngày 31/12/2017	: Nợ dài hạn đến hạn trả là 4.121.408.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- *Hợp đồng vay số 88/2016/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 17 tháng 07 năm 2016 như sau:*

Mục đích vay	: Thực hiện Giai đoạn 2 "Dự án thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong vận tải hành khách công cộng tại Tp. Hồ Chí Minh, 19 xe bus CNG".
Hạn mức cho vay	: 55.825.000.000 VND nhưng không quá tối đa 80% tổng mức đầu tư giai đoạn 2 của dự án.
Thời hạn cho vay	: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/9/2016 là 8,675% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/07 và ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (loại trả lãi sau) của bốn ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản hình thành từ dự án 29 xe bus CNG Toàn bộ nguồn thu từ dự án, trợ giá, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà Nước. Duy trì tài khoản với tổng số tiền 3.385.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Xem thêm mục 5.2
Số dư tại ngày 31/12/2017	: 47.135.500.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 8.588.000.000 VND Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 38.547.500.000 VND

- *Hợp đồng vay số 136/2016/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 23 tháng 09 năm 2016 như sau:*

Mục đích vay	: Đầu tư 17 xe buýt sử dụng nhiên liệu DIESEL loại 40 chỗ "đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng" thuộc dự án số 717A/QĐ-XKSG ngày 18/05/2016.
Hạn mức cho vay	: 14.375.200.000 VND nhưng không quá tối đa 80% tổng mức đầu tư "Đầu tư phương tiện hoạt động vận tải hành khách công cộng"
Thời hạn cho vay	: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/09/2016 là 8,875% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng /lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/07 và ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (loại trả lãi sau) của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản hình thành từ dự án là 17 xe bus sử dụng nhiên liệu DIESEL. Toàn bộ nguồn thu từ dự án, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà Nước tại ngân hàng PVCombank Chi nhánh TP Hồ Chí Minh. Duy trì một hoặc nhiều tài khoản tiền gửi với tổng số tiền tối thiểu là 1.760.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
Số dư tại ngày 31/12/2017	: 12.713.800.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 2.215.200.000 VND Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 10.498.600.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- (b) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng vay số 0071/KHDN/16DH ngày 07 tháng 12 năm 2016:

Mục đích vay	: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định là xe bus hiệu SAMCO Bus B47 thuộc "dự án đầu tư phương tiện hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt". Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp đã thanh toán vượt phần vốn còn phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án.
Hạn mức cho vay	: 76.203.400.000 VND nhưng không quá 65,5% tổng mức đầu tư của dự án (chưa bao gồm VAT)
Thời hạn cho vay	: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên
Lãi suất	: Áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 trả lãi sau bình quân của 4 ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2,34%/năm.
Hình thức đảm bảo	: Bảy mươi chín (79) phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty.
Số dư tại ngày 31/12/2017	: 59.379.272.729 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 9.896.545.452 VND Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 49.482.727.277 VND

- (c) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ thiêm theo hợp đồng vay số 290/2016-HDTDDA/NHCT903-SATRANCO ngày 30 tháng 11 năm 2016:

Mục đích vay	: Thanh toán các chi phí hợp lý tài sản cố định là xe buýt hiệu SAMCO Bus B47 và SAMCO Bus B30.
Hạn mức cho vay	: 80.627.400.000 VND
Thời hạn cho vay	: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên
Lãi suất	: Lãi suất lãi vay thả nổi. Lãi suất cho vay tại thời điểm kí hợp đồng là 9,02%/năm và chỉ có giá trị cho kì tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh một tháng 1 lần. Lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 trả lãi sau bình quân của 4 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2,34%/năm.
Hình thức đảm bảo	: Đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có
Số dư tại ngày 31/12/2017	: 68.627.400.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 15.600.000.000 VND Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 53.027.400.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2017				
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh	63.970.708.000	14.924.608.000	43.212.800.000	5.833.300.000
Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ thiêm	68.627.400.000	15.600.000.000	50.400.000.000	2.627.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	59.379.272.729	9.896.545.452	39.586.181.808	9.896.545.469
	191.977.380.729	40.421.153.452	133.198.981.808	18.357.245.469
Tại ngày 01/01/2017				
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh	79.715.324.000	15.744.616.000	47.334.208.000	16.636.500.000
Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ thiêm	80.627.400.000	12.000.000.000	62.400.000.000	6.227.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	17.538.181.818	9.896.545.452	7.641.636.366	-
	177.880.905.818	37.641.161.452	117.375.844.366	22.863.900.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2017 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển sang vay ngắn hạn VND	31/12/2017 VND
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh	63.970.708.000	-	(14.924.608.000)	49.046.100.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	68.627.400.000	-	(15.600.000.000)	53.027.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	7.641.636.366	51.737.636.363	(9.896.545.452)	49.482.727.277
	140.239.744.366	51.737.636.363	(40.421.153.452)	151.556.227.277

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2017		Phát sinh trong năm		31/12/2017	
	Số dư Nợ VND	Số dư có VND	Trích quỹ trong năm VND	Chi quỹ trong năm VND	Số dư Nợ (*) VND	Số dư có VND
Quỹ khen thưởng	-	3.296.368.629	250.000.000	(10.654.123.718)	7.107.755.089	-
Quỹ phúc lợi	-	2.233.404.366	-	(17.800.000)	-	2.215.604.366
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	359.395.493	-	-	-	359.395.493
	-	5.889.168.488	250.000.000	(10.671.923.718)	7.107.755.089	2.574.999.859

(*) Số dư bên nợ Quỹ khen thưởng được trình bày tại mục 5.5.1 – Phải thu ngắn hạn khác.

5.21 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND	Cộng VND
Tại ngày 19/08/2016	143.372.513.611	7.397.823.714	9.018.758.070	159.789.095.395
Tăng vốn trong năm	451.014.294.619	-	-	451.014.294.619
Lãi trong kỳ	-	2.502.769.783	-	2.502.769.783
Tại ngày 31/12/2016	594.386.808.230	9.900.593.497	9.018.758.070	613.306.159.797
Tại ngày 01/01/2017	594.386.808.230	9.900.593.497	9.018.758.070	613.306.159.797
Tăng vốn trong năm	5.613.191.770	-	-	5.613.191.770
Lãi trong năm	-	3.968.743.522	-	3.968.743.522
Trích Quỹ khen thưởng	-	(250.000.000)	-	(250.000.000)
Giảm khác (*)	-	(456.828.920)	-	(456.828.920)
Tại ngày 31/12/2017	600.000.000.000	13.162.508.099	9.018.758.070	622.181.266.169

(*) Công ty cũng điều chỉnh giảm lợi nhuận của giai đoạn khi Công ty còn là Công TNHH Một thành viên xe khách Sài Gòn theo Quyết định kiểm tra số 4983/QĐ-CT ngày 19 tháng 10 năm 2017 (kiểm tra năm tài chính 2013 và 2014) và Quyết định số 6436/QĐ-CT ngày 25 tháng 12 năm 2017 (kiểm tra năm tài chính 2015 và đến 18 tháng 08 năm 2016) truy thu thuế với số tiền là 456.828.920 VND.

5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	294.000.000.000	49,00%	288.386.808.230	48,52%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	144.274.000.000	24,05%	144.274.000.000	24,27%
Ông Phạm Anh Hưng	90.000.000.000	15,00%	-	-
Công ty TNHH Chứng khoán ACB	-	-	90.000.000.000	15,14%
Ông Nguyễn Văn Thành	45.000.000.000	7,50%	45.000.000.000	7,57%
Các cổ đông khác	26.726.000.000	4,45%	26.726.000.000	4,50%
	600.000.000.000	100,00%	594.386.808.230	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.21.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	59.438.681
- Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	59.438.681
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	59.438.681
- Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	59.438.681
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

5.21.4 Phân phối lợi nhuận

Trích Quỹ khen thưởng	VND
	250.000.000

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**5.22.1 Tài sản thuê ngoài**

Căn cứ vào hợp đồng thuê đất của Công ty, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	13.898.509.787	13.898.509.787
Trên 1 năm đến 5 năm	55.746.770.024	55.746.770.024
Trên 5 năm	484.297.054.229	498.233.746.735
	553.942.334.040	567.879.026.546

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 774,2 m² đất tại 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 609.000 VND/m²/tháng/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Tổng số tiền thuê 27.490 m² đất tại 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 346.353 VND/m²/tháng/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 21 tháng 04 năm 2006.
- Tổng số tiền thuê 6.799,1 m² đất tại 592 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 580.071 VND/m²/tháng/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 49 năm tính từ ngày 09 tháng 11 năm 2011.

5.22.2 Nợ khó đòi đã xử lý:

	31/12/2017	01/01/2017
Phải thu các cá nhân	330.150.000	330.150.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	86.264.199.764	27.764.967.643
Doanh thu cung cấp dịch vụ	478.183.184.922	179.857.897.557
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Truy thu trợ giá	-	(4.496.455.856)
Doanh thu thuần	564.447.384.686	203.126.409.344

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	79.752.126.758	26.602.159.748
Giá vốn cung cấp dịch vụ	422.841.540.012	152.910.408.561
	502.593.666.770	179.512.568.309

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.667.966.782	386.281.168
Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh	4.205.252	56.775.000
Khác	1.313.630	-
	4.673.485.664	443.056.168

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí tiền lãi vay	9.828.903.649	2.077.533.320
Chi phí tiền lãi trả chậm	355.265.326	-
Chi phí tài chính khác	424.000	-
	10.184.592.975	2.077.533.320

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí bơm rót xăng dầu	1.020.775.814	495.064.023
	1.020.775.814	495.064.023

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	18.991.956.896	6.144.134.688
Chi phí vật liệu quản lý	848.141.060	226.644.591
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.101.392.102	1.962.256.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.701.218.791	3.130.422.545
Thuế, phí, lệ phí	12.702.159.544	5.314.331.900
Tiền điện, điện thoại, internet	4.475.159.329	1.970.604.439
Chi phí dự phòng	378.810.400	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.639.390.386	2.097.626.051
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.358.063.419	1.601.821.457
	55.196.291.927	22.447.841.812

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	13.786.415.358	4.447.929.131
Tiền điện nước từ cho thuê mặt bằng	1.153.694.765	480.105.636
Thu nhập từ sửa chữa xe	217.737.859	50.105.636
Thu nhập từ quảng cáo	95.454.547	313.372.455
Thu nhập khác	468.546.102	437.640.819
	15.721.848.631	5.729.153.677

6.8 Chi phí khác

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định hữu hình (*)	9.459.380.201	-
Chi phí khấu hao TSCĐ cho thuê mặt bằng	260.550.228	253.116.698
Công cụ dụng cụ đánh giá lại	917.747.407	-
Chi phí khấu hao xe dự phòng	-	996.919.806
Tiền phạt, chậm nộp, truy thu thuế	100.711.534	2.101.674
Chi phí khác	43.192.653	355.760.150
	10.781.582.023	1.607.898.328

(*) Lỗ do thanh lý tài sản cố định hữu hình được chi tiết như sau:

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Thu do thanh lý tài sản cố định hữu hình	10.956.054.545	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(20.415.434.746)	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(20.084.784.034)	-
Chi phí liên quan đến việc thanh lý	(330.650.712)	-
	(9.459.380.201)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.968.743.522	2.502.769.783
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.968.743.522	2.502.769.783
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	60.000.000	59.438.681
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	66	42

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	59.438.681	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 19 tháng 08 năm 2016	-	59.438.681
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông do điều chỉnh vốn góp của SAMCO vào ngày 01 tháng 01 năm 2017	561.319	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	60.000.000	59.438.681

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	79.752.126.758	26.602.159.748
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.368.557.063	43.794.378.721
Chi phí nhân công	158.248.572.217	52.773.763.696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.741.077.031	27.353.023.398
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.608.109.853	48.329.471.538
Chi phí bằng tiền khác	50.906.736.474	7.411.225.159
	557.625.179.396	206.264.022.260

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Ghi nhận tăng vốn của SAMCO tăng phải thu	5.613.191.770	-
Chuyển nợ phải trả thành vốn chủ sở hữu	-	451.014.294.619
	5.613.191.770	451.014.294.619

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	51.737.636.363	201.885.364.063
	51.737.636.363	201.885.364.063

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	37.641.161.452	85.101.062.357
	37.641.161.452	85.101.062.357

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại giữa niên độ tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Phải trả người bán	122.300.546.046	9.301.500.000	131.602.046.046
Chi phí phải trả	922.035.797	-	922.035.797
Các khoản phải trả khác	828.514.639	788.044.940	1.616.559.579
Các khoản vay và nợ	40.421.153.452	151.556.227.277	191.977.380.729
	164.472.249.934	152.344.272.217	326.118.022.151
Ngày 01 tháng 01 năm 2017			
Phải trả người bán	35.584.786.801	-	35.584.786.801
Các khoản chi phí phải trả	139.445.142	-	139.445.142
Các khoản phải trả khác	836.540.715	2.416.658.000	3.253.198.715
Các khoản vay và nợ	37.641.161.452	140.239.744.366	177.880.905.818
	74.201.934.110	142.656.402.366	216.858.336.476

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản gắn liền với đất vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.2 và 5.9).

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2017 và 01/01/2017 (Thuyết minh số 5.18.2).

iv. Giá trị hợp lý**(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

ĐVT: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng	55.904.229.858	32.037.414.849	55.525.419.458	32.037.414.849
Phải thu khác	63.415.672.302	49.262.909.143	63.415.672.302	49.262.909.143
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.704.311.729	84.258.389.830	59.704.311.729	84.258.389.830
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.018.804.000	-	37.018.804.000	-
	216.043.017.889	84.258.389.830	215.664.207.489	84.258.389.830
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Phải trả người bán	131.602.046.046	35.584.786.801	131.602.046.046	35.584.786.801
Chi phí phải trả	922.035.797	139.445.142	922.035.797	139.445.142
Các khoản phải trả khác	1.616.559.579	3.253.198.715	1.616.559.579	3.253.198.715
Các khoản vay và nợ	191.977.380.729	177.880.905.818	191.977.380.729	177.880.905.818
	326.118.022.151	216.858.336.476	326.118.022.151	216.858.336.476

(*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc năm kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	3.384.000.000	1.246.257.000
	3.384.000.000	1.246.257.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2017	Từ ngày 19/08/2016 đến ngày 31/12/2016
		VND	VND
Tổng Công ty Cơ khí	Mua hàng hóa, dịch vụ	80.082.933.519	174.273.918
Giao thông Vận tải Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	5.395.900.000	1.797.332.000
TNHH MTV (SAMCO)	Góp vốn	5.613.191.770	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng công ty Cơ Khí Giao thông Vận tải Sài Gòn –TNHH MTV (SAMCO)	Phải thu thương mại (Xem Thuyết minh 5.3)	106.350.000	664.680.000
	Phải trả thương mại (Xem Thuyết minh 5.12)	(2.920.000.000)	(160.919.707)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.



9.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực dịch vụ, thương mại tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.


NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Người lập
PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng
ĐOÀN MINH TÂM
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018